VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước[1].

---

[1] Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam, bao gồm: Quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, vùng hoạt động, phương tiện và người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

2. Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động lễ hội truyền thống và hoạt động lặn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân và phương tiện có liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam.

2. Phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển khi tham gia hoạt động phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước ngoài việc tuân theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải, còn phải tuân theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là tàu, thuyền hoặc cấu trúc nổi khác được dùng để phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước có sức chở không quá 05 người và hoạt động trong vùng hoạt động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố (sau đây viết tắt là phương tiện).

2. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước là vùng nước mà phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước được phép hoạt động trong phạm vi ranh giới an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước."

3. Người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là người trực tiếp điều khiển phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước.

4. Người tham gia vui chơi, giải trí dưới nước là người ở trên phương tiện nhưng không trực tiếp điều khiển phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, trừ nhân viên phục vụ trên phương tiện.

Chương II
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI, GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động vui chơi, giải trí

1. Hoạt động vui chơi, giải trí phải bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và hiệu quả; góp phần phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Việc đầu tư xây dựng vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt. Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí, người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước và người tham gia vui chơi, giải trí dưới nước phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 5. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

1. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước gồm 02 vùng:

a) Vùng 1: Là vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải;

b) Vùng 2: Là vùng nước khác không thuộc vùng 1, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

2. Thời gian tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này quyết định khoảng thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại vùng 1; cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này quy định khoảng thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại vùng 2.

Điều 6. Điều kiện đối với phương tiện, người lái phương tiện khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

1. Phương tiện phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải thực hiện đăng kiểm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và đăng ký theo quy định tại Nghị định này, trừ phương tiện đã được đăng ký theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải.

2. Đối với người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước

a) Người lái phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải đủ 15 tuổi trở lên, đảm bảo về sức khỏe;

b) Người lái phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 05 sức ngựa phải có giấy chứng nhận lái phương tiện theo quy định;

c) Người lái phương tiện phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động vui chơi, giải trí;

d) Người lái phương tiện không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải được hướng dẫn về kỹ năng an toàn do tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tổ chức trước khi điều khiển phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác vùng hoạt động và cung cấp dịch vui chơi, giải trí dưới nước

1. Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị.

2. Bố trí đầy đủ áo phao, thiết bị cứu sinh, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

3. Chỉ được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí trong khoảng thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và phải có phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Tập huấn, hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí.

5. Không đưa phương tiện vào hoạt động khi không đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định.

6. Không cho phép người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước điều khiển phương tiện ra khỏi vùng hoạt động đã được quy định.

7. Có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp dịch vụ; khuyến cáo những trường hợp không được tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

8. Bố trí khu vực bến, bãi neo đậu cho các phương tiện; các phương tiện vui chơi, giải trí chỉ được phép neo đậu ở những nơi quy định.

9. Bố trí báo hiệu theo quy định; trường hợp không bố trí báo hiệu thì phải bố trí phao và cờ hiệu như sau:

a) Đường kính phao tối thiểu là 50 cm, cờ hiệu 50 x 60 cm;

b) Khoảng cách giữa hai phao hoặc cờ hiệu là 10 m.

Điều 8. Trách nhiệm của người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 12 của Luật Du lịch, người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước và tự chịu trách nhiệm về tình trạng sức khỏe của mình khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

Chương III
QUẢN LÝ VÙNG HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1

1.[2] Sở Giao thông vận tải chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 1.

2. Nội dung chấp thuận đối với vùng hoạt động, gồm: Quy mô, diện tích, mục đích, thời gian sử dụng vùng nước; các yêu cầu về biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 10. Thủ tục chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1[3]

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

1. Hồ sơ (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản)

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hoặc sơ đồ vị trí thiết lập phao và cờ hiệu;

c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải gửi văn bản (kèm theo một bộ bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này) đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, Cảng vụ hàng hải khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để lấy ý kiến;

e) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định mà không có văn bản trả lời, coi như Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực đồng ý chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 1 theo đề nghị của tổ chức, cá nhân;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Thẩm quyền thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động tại vùng 2[4]

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

1. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động tại vùng 2.

2. Trước khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư liên hệ Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện thỏa thuận về địa điểm, quy mô, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

Điều 12. Thủ tục công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2[5]

1. Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng 1 hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng 1;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án (nếu có);

d) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;

đ) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công công trình, bao gồm cả hải đồ hoặc bản đồ thể hiện vị trí.

2. Hồ sơ công bố vùng hoạt động không có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng 1 hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng 1;

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

c). Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố, cho phép hoạt động theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không giải quyết phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 13. Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2

1. Vùng 2 được đóng, không cho phép hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Vì lý do quốc phòng, an ninh;

b) Khi có thay đổi về quy hoạch ngành quốc gia và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan đến vùng hoạt động;

c) Vùng hoạt động không đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường khi tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có vùng hoạt động không còn nhu cầu khai thác, sử dụng.

2.[6] Trường hợp đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2.

3.[7] Hồ sơ, thủ tục đóng vùng hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều này

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương IV
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

Điều 14. Đăng ký phương tiện

1. Phương tiện có đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị định này được cơ quan có thẩm quyền đăng ký vào Sổ đăng ký phương tiện và cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (gọi chung là Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện).

2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

3. Phương tiện phải được đăng ký lại trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi chủ sở hữu phương tiện;

b) Thay đổi tên phương tiện;

c) Thay đổi thông số kỹ thuật của phương tiện.

4.[8] Miễn đăng ký đối với phương tiện không có động cơ có sức chở không quá 05 người.

Điều 15. Xóa đăng ký phương tiện

Xóa đăng ký phương tiện được áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Phương tiện bị mất tích, bị phá hủy không còn khả năng phục hồi.

2. Theo đề nghị của chủ phương tiện.

---

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Điều 16. Tên của phương tiện

Tên của phương tiện do chủ phương tiện tự đặt và được thể hiện trong hồ sơ đăng ký; tên của phương tiện không được đặt trùng với tên phương tiện đã đăng ký trong Sổ đăng ký phương tiện.

Điều 17. Số đăng ký và kẻ số đăng ký trên phương tiện

1. Số đăng ký của phương tiện bao gồm 2 nhóm, nhóm chữ và nhóm số.

a) Nhóm chữ gồm các chữ cái thực hiện theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nhóm số bắt đầu từ số 01; nhóm số được kẻ phía sau các chữ cái.

2. Kích thước chữ và số kẻ trên phương tiện được quy định như sau:

a) Chiều cao tối thiểu của chữ, số: 50 mm;

b) Chiều rộng tối thiểu của nét chữ, số: 15 mm;

c) Khoảng cách giữa các chữ, số: 10 mm.

3. Màu của chữ và số đăng ký phải khác với màu nền nơi kẻ chữ và số.

4. Vị trí kẻ số đăng ký của phương tiện

a) Số đăng ký của phương tiện phải được kẻ ở nơi không bị che khuất tại bên trái, bên phải và phía trước cabin của phương tiện;

b) Trường hợp phương tiện không có cabin thì kẻ tại phần mạn khô ở hai bên mũi của phương tiện;

c) Trường hợp phương tiện không có cabin mà chiều cao mạn khô không đủ để kẻ số đăng ký theo quy định, số đăng ký có thể được thu nhỏ kích thước khi kẻ nhưng phải kẻ tại nơi dễ nhìn thấy nhất.

Điều 18. Nội dung của Sổ đăng ký phương tiện

Sổ đăng ký phương tiện bao gồm các nội dung sau:

1. Số thứ tự, số đăng ký.

2. Tên phương tiện, ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

3. Tên, địa chỉ của chủ phương tiện.

4. Công dụng, năm sản xuất, nơi/nước sản xuất.

5. Chiều dài thiết kế, chiều dài lớn nhất.

6. Chiều rộng thiết kế, chiều rộng lớn nhất.

7. Chiều cao mạn, chiều chìm.

8. Mạn khô, vật liệu vỏ.

9. Số lượng, kiểu và công suất máy chính.

10. Trọng tải toàn phần, sức kéo, sức đẩy, số người được phép chở.

11. Ảnh màu có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ phía mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

Điều 19. Cơ quan đăng ký phương tiện[9]

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện, quản lý việc đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước thuộc diện phải đăng ký theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được miễn đăng ký.

Điều 20. Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

1.[10] Giấy tờ phải nộp, gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản);

b) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

2. Giấy tờ phải xuất trình khi nộp hồ sơ gồm bản chính các loại sau:[11]

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[11] Câu dẫn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

b) Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

c) Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương;

d) Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài.

3. Trường hợp chủ phương tiện đồng thời là chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật, khi thực hiện đăng ký phương tiện không phải xuất trình giấy tờ quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Trình tự thực hiện

a)[12] Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 21. Thủ tục đăng ký lại phương tiện

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký phương tiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Hồ sơ và xử lý như sau:[13]

1. Trường hợp thay đổi tên phương tiện: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó và xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[13] Câu dẫn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

2. Trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

3. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định này, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

4. Thủ tục đăng ký lại: Cơ quan đăng ký phương tiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp trước đó, tiêu hủy theo quy định đối với các trường hợp tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Nghị định này.

5. Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác, chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.

Cơ quan đăng ký nơi chủ phương tiện đề nghị đăng ký phương tiện, căn cứ cơ sở dữ liệu của phương tiện để cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới cho chủ phương tiện với các nội dung thông tin đăng ký giữ nguyên như Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cũ.

Điều 22 Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

1. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được cấp lại trong các trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng.

2.[14] Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan đăng ký phương tiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Hồ sơ gồm:

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

a) Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.

Cơ quan đăng ký phương tiện căn cứ hồ sơ, dữ liệu lưu trữ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký với các nội dung được giữ nguyên như Giấy chứng nhận đã cấp trước đó.

b) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Nghị định này.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký phương tiện thu lại và tiêu hủy Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hư hỏng theo quy định. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện mới có nội dung được giữ nguyên như Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã cấp trước đó.

4. Cơ quan đăng ký phương tiện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

Điều 23. Thủ tục xóa đăng ký phương tiện

1. Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.

2.[15] Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan đăng ký phương tiện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan về các trường hợp xóa đăng ký phương tiện.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[16]

[16] Điều 2 và Điều 3 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 quy định như sau:

"***Điều 2. Quy định chuyển tiếp***

1. Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động tại vùng 1 trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được hoạt động theo thời hạn ghi trên văn bản chấp thuận.

2. Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2 trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được hoạt động theo thời hạn ghi trên quyết định công bố mở, cho phép hoạt động.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước vùng 1; công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2; đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2; đăng ký phương tiện lần đầu; đăng ký lại phương tiện; cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; xóa đăng ký phương tiện) đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

4. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu Sở Giao thông vận tải chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này thì có văn bản đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Cục Hàng hải Việt Nam tiếp tục thực hiện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

5. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị định này thì có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải tiếp tục thực hiện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng 2, đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Tổ chức rà soát, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

3.[17] Chỉ đạo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố vùng hạn chế, vùng nước phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được phép hoạt động.

4.[18] Chỉ đạo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan xây dựng nội dung, chương trình tập huấn và cấp giấy chứng nhận lái phương tiện; nội dung hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

3.[19] Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát,

---

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này."

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

Điều 26. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể về phí, lệ phí đối với hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi; giải trí dưới nước.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động của phương tiện phục vụ dịch vụ vui chơi, giải trí thuộc khu vực biên giới theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[20]

1. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện:

a) Quản lý việc đăng ký phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;

b) Kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức quản lý phương tiện thuộc diện được miễn đăng ký trong phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c) Tổ chức quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 2 thuộc phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1 trong phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

---

[20] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2019.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

Vùng hoạt động, người lái phương tiện, phương tiện đã phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này thì tiếp tục được hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, nếu muốn tiếp tục hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan tại Nghị định này.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 10/VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên mẫu giấy tờ
Mẫu số 01	Đơn đề nghị về việc chấp thuận tổ chức vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 02	Đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 03	Quyết định công bố mở vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 04	Đơn đề nghị về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 05	Quyết định công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 06	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 08	Ký hiệu nhóm các chữ đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 09	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước (dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu).
Mẫu số 10	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước (dùng cho phương tiện đăng ký lại)
Mẫu số 11	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 12	Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ĐĐN-..... (1)	..... *(địa danh), ngày tháng năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc chấp thuận tổ chức hoạt động vui chơi giải trí dưới nước... (2)

Kính gửi:.....(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số..../2019/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ.....(4).....

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt động..... km (từ..... đến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt động..... km (từ..... đến.....);

c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác: từ giờ... phút, ngày... tháng... năm..... đến... giờ... phút, ngày... tháng... năm.....;

d) Các nội dung khác

.....

.....

.....(5)..... kính đề nghị.....(3) xem xét, công bố vùng hoạt động.....(2).....

Xin trân trọng cảm ơn./.

THỦ TRƯỞNG (6)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,.....(7)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có) hoặc nhu cầu hoạt động của tổ chức, cá nhân.

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ĐĐN-..... (1)	..... *(địa danh), ngày tháng năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước (2)

Kính gửi:.....(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày... tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ.....(4).....

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt động:..... km (từ..... đến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt động:..... km (từ..... đến.....);

c) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....

d) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác ;

đ) Các nội dung khác

.....
.....
.....(5)..... kính đề nghị.....(3) xem xét, công bố vùng hoạt động.....(2).....

Xin trân trọng cảm ơn./.

THỦ TRƯỞNG (6)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,.....(7)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).
(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).
(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.
(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có).
(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.
(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.
(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu số 03[1]

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../....	..... *(địa danh), ngày..... tháng.... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2

ỦY BAN DÂN DÂN HUYỆN...

Căn cứ.....;

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí của.....(1)..... và các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2 của .....(1)....., với các nội dung:

1. Vị trí và phạm vi vùng hoạt động:

a) Khu vực hoạt động số 1:..... (2)..... được xác định bởi các điểm từ đến.... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

b) Khu neo đậu số 2:..... (2)..... được xác định bởi các điểm từ..... đến.... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

c) Khu neo đậu số....:...: (2) được xác định bởi các điểm từ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

[1] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Theo vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động do..... (3) lập ngày... tháng... năm...

2. Chủ khai thác:.....

- Địa chỉ trụ sở.....;

- Số điện thoại:.....

3. Mục đích sử dụng: Hoạt động vui chơi giải trí.

Điều 2. .....(1) trong quá trình khai thác vùng hoạt động có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Không được phép hoạt động vui chơi giải trí trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Điều 3. Các....(4)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
.....
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị công bố vùng hoạt động.

(2) Thông tin về phạm vi vùng hoạt động:

- Nếu vùng hoạt động trên sông thì ghi: từ Km... đến Km.... bờ (phải/trái) sông có chiều dài ...m dọc theo sông, chiều rộng ...m;

- Nếu vùng hoạt động không phải trên sông ghi: chiều dài, chiều rộng vùng hoạt động.

(3) Tên của tổ chức lập tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động.

(4) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

Kèm theo Mẫu số 03

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày... tháng... năm... của Ủy ban nhân dân huyện...)

Tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 2 của....

(theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục....^{0}...” mũi chiếu...^{0})

Điểm	X(m)	Y(m)	Ghi chú
I	**Vùng hoạt động số 1**		
B1			
B2			
B3			
B4			
...			
II	**Vùng hoạt động số 2**		
A1			
A2			
A3			
A4			
...			
III	**Vùng hoạt động số 3**		
C12			
C13			
C14			
C15			
...			

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ĐĐN-.....(1)	..... *(địa danh), ngày tháng năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước....(2)

Kính gửi:.....(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ:.....(4).....

2. Nội dung đề xuất

a) Lý do của việc đóng vùng hoạt động;

b) Địa danh;

c) Chiều dài vùng hoạt động:..... km (từ..... đến.....);

d) Chiều rộng vùng hoạt động:..... km (từ..... đến.....);

đ) Thời gian bắt đầu đóng vùng hoạt động:.....;

d) Các nội dung khác

.....

.....

..... (5)..... kính đề nghị.....(3) xem xét, công bố đóng vùng hoạt động.....(2).....

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, (7)	**THỦ TRƯỞNG** (6) *(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)*

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có), hoặc căn cứ vào nhu cầu....

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Mẫu số 05[2]

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../....	..... *(địa danh), ngày.....tháng.... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...

Căn cứ.....;

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí của.....(1)..... và các hồ sơ liên quan,

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2 của.....(1)....., với các nội dung:

- Địa chỉ trụ sở ;
- Số điện thoại ;
- Đã được cấp vùng hoạt động vui chơi giải trí theo Quyết định số...

Điều 2. .....(1)..... có trách nhiệm thanh thải vật chướng ngại và trả lại nguyên trạng tự nhiên của vùng hoạt động như trước khi được công bố.

Điều 3. Các.....(2).... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 3; ..... - Lưu: VT,...	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Văn A**

Ghi chú:

(1) Tên của tổ chức cá nhân đề nghị công bố đóng vùng hoạt động.

(2) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

---

[2] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Mẫu số 06[3]

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ** Số:...../ĐK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:.....

Chủ phương tiện:.....

Địa chỉ chủ phương tiện:.....

Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện:..... Công dụng:.....

Năm và nơi đóng:.....

Chiều dài thiết kế:..... m, Chiều dài lớn nhất:..... m

Chiều rộng thiết kế:..... m, Chiều rộng lớn nhất:..... m

Chiều cao mạn:..... m, Chiều chìm:..... m

Mạn khô:..... m, Vật liệu vỏ:.....

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:.....

Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:.....

.....

....., ngày... tháng... năm...

Số sêri:.....

Ghi chú:

* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được in trên bìa cứng và có kích thước như sau:

- Chiều dài toàn bộ: 20 cm
- Chiều rộng toàn bộ: 15 cm
- Chiều dài của khung viền: 18 cm
- Chiều rộng của khung viền: 13 cm

* Số sêri: Bao gồm phần chữ và phần số

- Phần chữ: là ký hiệu của nhóm chữ cái ghi trên Sổ đăng ký theo quy định tại Mẫu số 09.

[3] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

- Phần số: gồm 6 chữ số, đánh số theo tuần tự bắt đầu từ 000001.

Mẫu số 07

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ** Số:...../ĐK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:.....

Chủ phương tiện:.....

Địa chỉ chủ phương tiện:.....

Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:

Cấp phương tiện:..... Công dụng:.....

Năm và nơi đóng:.....

Chiều dài thiết kế:..... m, Chiều dài lớn nhất:..... m

Chiều rộng thiết kế:..... m, Chiều rộng lớn nhất:..... m

Chiều cao mạn:..... m, Chiều chìm:..... m

Mạn khô:..... m, Vật liệu vỏ:.....

Số lượng, kiểu và công suất máy chính:.....

Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:.....

.....

....., ngày... tháng... năm...

Mẫu số 08

KÝ HIỆU NHÓM CÁC CHỮ CÁI ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

STT	Tên địa phương	Ký hiệu	STT	Tên địa phương	Ký hiệu
1	An Giang	AG-	**33**	Kiên Giang	KG-
2	Bạc Liêu	BL-	**34**	Lạng Sơn	LS-
3	Bắc Kạn	BC-	**35**	Lai Châu	LC-
4	Bắc Giang	BG-	**36**	Lâm Đồng	LĐ-
5	Bắc Ninh	BN-	**37**	Lào Cai	LK-
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	BV-	**38**	Kon Tum	KT-
7	Bến Tre	BTr-	**39**	Long An	LA-
8	Bình Dương	BD-	**40**	Nam Định	NĐ-
9	Bình Định	BĐ-	**41**	Nghệ An	NA-
10	Bình Thuận	BTh-	**42**	Ninh Bình	NB-
11	Bình Phước	BP-	**43**	Ninh Thuận	NT-
12	Cà Mau	CM-	**44**	Phú Thọ	PT-
13	Cần Thơ	CT-	**45**	Phú Yên	PY-
14	Cao Bằng	CB-	**46**	Quảng Bình	QB-
15	Đà Nẵng	ĐNa-	**47**	Quảng Nam	QNa-
16.	Đắk Lắk	ĐL-	**48**	Quảng Ngãi	QNg-
17	Đắk Nông	ĐNô-	**49**	Quảng Ninh	QN-
18	Điện Biên	ĐB-	**50**	Quảng Trị	QT-
19	Đồng Nai	ĐN-	**51**	Sóc Trăng	ST-
20	Đồng Tháp	ĐT-	**52**	Sơn La	SL-
21	Gia Lai	GL-	**53**	Tây Ninh	TN-
22	Hà Giang	HG-	**54**	Thái Bình	TB-
23	Hà Nam	HNa-	**55**	Thái Nguyên	TNg-
24	Hà Nội	HN-	**56**	Thanh Hóa	TH-
25	Hà Tĩnh	HT-	**57**	Thừa Thiên Huế	TTH-
26	Hải Dương	HD-	**58**	Tiền Giang	TG-
27	Hải Phòng	HP-	**59**	Trà Vinh	TV-
28	Hậu Giang	HGi-	**60**	Tuyên Quang	TQ-
29	Hòa Bình	HB-	**61**	Vĩnh Long	VL-
30	TP. Hồ Chí Minh	SG-	**62**	Vĩnh Phúc	VP-
31	Hưng Yên	HY-	**63**	Yên Bái	YB-
32	Khánh Hòa	KH-			

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu.....,
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Ký hiệu thiết kế:.....
Công dụng:.....
Năm và nơi đóng:.....
Cấp tàu:..... Vật liệu vỏ:.....
Chiều dài thiết kế:..... m Chiều dài lớn nhất:..... m
Chiều rộng thiết kế:..... m Chiều rộng lớn nhất:..... m
Chiều cao mạn:..... m Chiều chìm:..... m
Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần:..... tấn
Số người được phép chở:..... người Sức kéo, đẩy:..... tấn
Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....
.....
Máy phụ (nếu có):.....
Giấy phép nhập khẩu số (nếu có):..... ngày..... tháng..... năm 20.....
Do cơ quan cấp.....
Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.....
..... do cơ quan cấp.....
Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số..... ngày..... tháng..... năm 20.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 10[4]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC
(Dùng cho phương tiện đăng ký lại)

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu
.....
- Trụ sở chính: (1).....
.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện với lý do:.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày... tháng... năm...
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

[4] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Mẫu số 11[5]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1).....
.....

- Điện thoại:..... Email:.....

Đề nghị cơ quan đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Lý do xin cấp lại:.....
.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

---

[5] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Mẫu số 12[6]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1).....
.....

- Điện thoại:..... Email:.....

Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:.....

Lý do xóa đăng ký:.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..., ngày... tháng... năm...
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

[6] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 19/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.